

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/3/2020

Về việc: “Chị T xin ly hôn
anh D”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Huy
2. Ông Phạm Văn Phong

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Đặng Thị Thanh Huyền; Thư ký Tòa
án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên
tòa:** Ông Bùi Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/3/2020 tại trụ sở TAND huyện Phú Xuyên để xét xử công
khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020. Theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXX-LH ngày 17 tháng 3 năm
2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996

Và bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1986

Đều có HKTT tại: Thôn A, xã Đ, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Chị T có mặt. Anh D xin vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án tại toà, nguyên
đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Văn D, tự nguyện tìm hiểu, kết hôn vào ngày 10/11/2014,
đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi cưới, chị về chung sống với anh D và
gia đình anh ngay. Quan hệ vợ chồng chỉ hòa thuận được vài tháng đã phát sinh
mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hợp tính, anh chị thường
xuyên va chạm, cãi, chửi nhau. Đến tháng 8/2017, chị quyết định ly thân anh và
về ở nhờ tại nhà mẹ đẻ ở cùng thôn. Xác định tình cảm không còn, hạnh phúc
không có, hôn nhân không thể hàn gắn, chị đề nghị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có gì. Chị không yêu cầu Tòa xét.

Phía bị đơn, anh Lê Văn D trình bày: Anh xác nhận, anh và chị T kết
hôn tự nguyện, quá trình chung sống, tình cảm hòa hợp khoảng 01 năm đã xảy

ra mâu thuẫn như lời chị T trình bày. Rất nhiều lần chị T bỏ đi rồi lại quay về đoàn tụ, nhưng rốt cuộc, đến tháng 8/2017, thì chị T đi hẳn và không trở lại chung sống với anh nữa. Anh xác nhận, anh chị không thể sống chung và chuyện chia tay là không tránh được. Tuy nhiên, vì anh là người công giáo, nên anh không đồng ý, trường hợp chị T quyết ly hôn, anh không cản.

Về con chung, tài sản chung vợ chồng: Không có gì, anh không đề nghị Tòa xét

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị T giữ nguyên quan điểm của mình về việc kiện.

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T và phải chịu án phí ly hôn, theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, anh D đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, theo qui định tại điều 227, 228 Bộ luật TTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

Về Nội dung:

Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn D đều là công dân ở cùng thôn A, xã Đ, huyện P, thành phố Hà Nội. Họ đã có một cuộc hôn nhân tự nguyện và hợp pháp bằng việc đăng ký kết hôn ngày 10/11/2014 tại UBND xã Đ. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, anh chị về chung sống với nhau ngay, nhưng tình cảm chỉ hòa thuận chưa đầy 01 năm đã phát sinh mâu thuẫn, do không hợp tính, bất đồng quan điểm, lại thêm quan hệ mẹ chồng nàng dâu cũng không hòa hợp. Nên đến tháng 8/2017, sau nhiều lần tan hợp, thì chị T về hẳn nhà mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống và ly thân anh D, dù phía anh D và gia đình cũng đã nhiều lần sang động viên chị T về đoàn tụ, song không thành. Nay chị T xin ly hôn, anh D xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý vì lý do tôn giáo, điều này cũng dễ hiểu, vì anh D là người Công giáo, theo đó khi vợ chồng đã kết hôn sẽ không được ly hôn, còn trên thực tế, các bên đã ly thân không còn quan hệ gì từ hơn 02 năm nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân đạt được, thời gian

ly thân đã lâu, nên cần áp dụng các qui định của điều 52, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh D.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung: Các bên thống nhất tài sản chung không có gì, không đề nghị Tòa xét. Tòa không xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Bởi những nhận định trên

TOÀ QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Luật hôn nhân và gia đình. Điều 39 BLDS; Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Văn D

- **Về con chung:** Chưa có

- **Về tài sản chung vợ chồng:** Không có gì nên không xét

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải nộp **300.000** đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số **300.000** đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp tại phiếu thu số AE/2010/0005708 ngày 05/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TATP Hà Nội
- VKSND huyện
- Sở Tư pháp
- UBND xã Đ
- Chi cục THADS
- Các ĐS
- Lưu HS

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Quang